



**SỞ CÔNG THƯƠNG ĐỒNG NAI**

# **HỘI THẢO**

## **Đánh giá tác động**

### **của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA)**

#### **– Những vấn đề cần quan tâm**

**Đồng Nai, ngày 28 tháng 5 năm 2015**

**XUẤT KHẨU GỖ VÀO THỊ TRƯỜNG EU  
VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH  
FTA VN- EU**

**NGUYỄN TÔN QUYỀN**

**PHÓ CHỦ TỊCH – TỔNG THƯ KÝ HIỆP HỘI<sub>2</sub>**

## NỘI DUNG

**I. Thương mại đồ gỗ giữa Việt Nam và EU**

**II. Những tác động của Hiệp định FTA giữa VN - EU**



## 1. Tổng quan xuất khẩu sản phẩm gỗ của Việt Nam

### 1.1. Giá trị kim ngạch xuất khẩu

<b>Năm</b>	<b>Kim ngạch xuất khẩu</b>	<b>Tăng trưởng</b>	<b>Năm</b>	<b>Kim ngạch xuất khẩu</b>	<b>Tăng trưởng</b>
2002	435		2008	2.802	16,6%
2003	567	30,30%	2009	2.598	-7,3%
2004	1.154	103,5%	2010	3.436	32,3%
2005	1.561	35,3%	2011	3.957	15,2%
2006	1.943	24,5%	2012	4.665	17,9%
2007	2.404	23,7%	2013	5.500	19,2%
			2014	6.230	13,3%

## 1. Tổng quan xuất khẩu sản phẩm gỗ của Việt Nam vào EU

- Châu Âu, đặc biệt là Liên minh châu Âu, luôn là thị trường xuất khẩu sản phẩm gỗ quan trọng của Việt Nam.
- Cùng với sự tăng trưởng chung, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang các nước châu Âu cũng ghi nhận những kết quả rất khả quan.
- Năm 2010, bình quân hàng năm lượng đồ gỗ xuất khẩu sang EU luôn chiếm khoảng 20 – 25% tổng kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ của nước ta.



## 1. Tổng quan xuất khẩu sản phẩm gỗ của Việt Nam vào EU Xuất khẩu đồ gỗ từ 2005 -2014

*Đơn vị: Triệu USD*

Năm	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2014
XK gỗ và sản phẩm gỗ	1.561,4	1.943,1	2.404,1	2.802,0	2.598,0	3.436,0	3.955,0	4.666,0	6.230
Trong đó									
XK sang EU	457,6	500,2	633,1	791,8	550,2	626,8	594,1	634,6	681,39
XK sang Anh	114,9	136,6	196,4	197,7	162,8	189,6	159,8	187,4	257,87
XK sang Pháp	74,2	83,8	92,0	101,3	70,3	82,0	83,0	91,6	100,82
XK sang Đức	75,3	70,0	98,3	151,2	106,0	116,9	125,9	127,2	110,64
XK sang Italia	21,9	22,3	33,7	46,8	29,8	40,2	36,1	29,9	24,62

*Nguồn: Tổng Cục Hải Quan*



## 2. Phân tích thị trường nhập khẩu sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu vào một số nước thuộc EU.

### 2.1. Thị trường Anh

Bảng giá trị kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam vào thị trường Anh từ 2005 -2014

*Đơn vị: Triệu USD*

Năm	Kim ngạch XK	Tăng trưởng	Tỷ trọng trong XK
2005	114,9	7,10%	11,30%
2006	135,7	18,10%	11,50%
2007	196,4	44,70%	13,70%
2008	197,7	0,70%	12,50%
2009	162,8	-17,70%	12,20%
2010	189,6	16,50%	11,30%
2011	159,8	-15,70%	6,70%
2012	187,4	17,30%	6,20%
2013	217,9	16,29%	4%
2014	274,6	25,99%	4%

Chi tiết sản phẩm gỗ xuất khẩu sang Anh của Việt nam năm 2012, theo số liệu của Eurostat thì có thể thấy đa số là đồ gỗ nội thất thuộc chương 94, chủ yếu là các mã 940350 (đồ gỗ nội thất bằng gỗ sử dụng trong phòng ngủ) và 940360 (đồ gỗ bằng gỗ khác). Cụ thể như sau:

## Các sản phẩm gỗ xuất khẩu từ Việt Nam sang Anh năm 2012

*Đơn vị: nghìn Euro*

Mã HS	Tên hàng	Kim ngạch XK	Tỷ trọng
44	Gỗ và SP bằng gỗ	7.271	3,8%
940161	Ghế có khung bằng gỗ đã nhồi đệm	7.788	4,1%
940169	Ghế có khung bằng gỗ loại khác	19.697	10,4%
940330	Đồ nội thất bằng gỗ sử dụng trong văn phòng	738	0,4%
940340	Đồ nội thất bằng gỗ được sử dụng trong nhà bếp	108	0,1%
940350	Đồ nội thất bằng gỗ được sử dụng trong phòng ngủ	52.680	27,8%
940360	Đồ nội thất bằng gỗ khác	101.491	53,5%
	<b>Tổng</b>	<b>189.772</b>	<b>100,0%</b>



## 2.2. Thị trường Pháp

### Bảng giá trị kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam vào thị trường Pháp từ 2005 -2014

*Đơn vị: Triệu USD*

Năm	Kim ngạch XK	Tăng trưởng	Tỷ trọng trong XK
2005	74,2	23,70%	11,40%
2006	83,9	13,10%	10,50%
2007	92	9,70%	10,40%
2008	101,3	10,10%	10,40%
2009	70,3	-30,6%	8,70%
2010	82	16,60%	7,50%
2011	83	1,20%	5,00%
2012	91,6	10,40%	4,20%
2013	84,406	-7,86%	1%
2014	104,815	24,18%	2%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam*

- So với tổng KNXK đồ gỗ từ thế giới vào Pháp thì đồ gỗ của Việt nam vẫn chiếm một vị trí hết sức khiêm tốn với thị phần khoảng chưa đến 1% tổng KNXK mặt hàng này vào Pháp năm 2012.
- 2012, Eurostats phân theo mã HS cho thấy cơ cấu XK SPG Việt Nam sang Pháp tập trung vào nhóm hàng đồ gỗ nội thất sau:

## Các sản phẩm gỗ xuất khẩu từ Việt Nam sang Pháp năm 2012

*Đơn vị: nghìn Euro*

Mã HS	Tên hàng	Kim ngạch XK	Tỷ trọng
44	Gỗ và SP bằng gỗ	8.138	9,1%
940161	Ghế có khung bằng gỗ đã nhồi đệm	16.502	18,4%
940169	Ghế có khung bằng gỗ loại khác	20.421	22,8%
940330	Đồ nội thất bằng gỗ sử dụng trong văn phòng	181	0,2%
940340	Đồ nội thất bằng gỗ được sử dụng trong nhà bếp	446	0,5%
940350	Đồ nội thất bằng gỗ được sử dụng trong phòng ngủ	2.836	3,2%
940360	Đồ nội thất bằng gỗ khác	41.131	45,9%
	<b>Tổng</b>	<b>89.700</b>	<b>100,00%</b>

## 2.3. Thị trường Đức

### Bảng giá trị kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam vào thị trường Đức từ 2005 -2014

*Đơn vị: Triệu USD*

Năm	Kim ngạch XK	Tăng trưởng	Tỷ trọng trong XK
2005	75,3	25,30%	6,9%
2006	70	-7,0%	4,80%
2007	98,3	40,40%	5,30%
2008	151,2	53,80%	7,30%
2009	106	-29,9%	5,60%
2010	116,9	10,30%	4,90%
2011	125,9	7,70%	3,70%
2012	127,2	1,00%	3,10%
2013	108,531	-14,69%	2%
2014	114,909	5,88%	2%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam*

- Các sản phẩm gỗ xuất khẩu từ Việt Nam vào thị trường Đức bao gồm các chủng loại mặt hàng chính như sau: đồ gỗ nội thất ngoài trời và trong nhà, đồ gỗ mỹ nghệ, hàng gỗ phục vụ cho công nghiệp...
- Số liệu 2012 của Eurostat phân theo mã hàng HS cho thấy cơ cấu xuất khẩu sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Đức như sau:

## Các sản phẩm gỗ xuất khẩu từ Việt Nam sang Đức năm 2012

*Đơn vị: nghìn Euro*

Mã HS	Tên hàng	Kim ngạch XK	Tỷ trọng
44	Gỗ và SP bằng gỗ	21.991	18,4%
940161	Ghế có khung bằng gỗ đã nhồi đệm	4.255	3,5%
940169	Ghế có khung bằng gỗ loại khác	36.502	30,6%
940330	Đồ nội thất bằng gỗ sử dụng trong văn phòng	92	0,1%
940340	Đồ nội thất bằng gỗ được sử dụng trong nhà bếp	31	0,0%
940350	Đồ nội thất bằng gỗ được sử dụng trong phòng ngủ	8.394	7,0%
940360	Đồ nội thất bằng gỗ khác	48.113	40,3%
	<b>Tổng</b>	<b>119.279</b>	<b>100,0%</b>

## 2.4. Thị trường Italia

### Bảng giá trị kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam vào thị trường Italia từ 2005 -2012

*Đơn vị: Triệu USD*

Năm	Kim ngạch XK	Tăng trưởng	Tỷ trọng trong XK
2005	21,9	37,70%	4,70%
2006	23,3	6,40%	3,60%
2007	33,7	44,60%	4,10%
2008	46,8	38,90%	4,70%
2009	29,8	-36,3%	3,70%
2010	40,2	35%	4,10%
2011	36,1	-10,2%	2,40%
2012	29,9	-17,2%	1,60%
2013	27,053	-9,57%	
2014	25,412	-6,06%	

*Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam*

## 1. Yêu cầu của doanh nghiệp gỗ Việt Nam đối với Hiệp định EV FTA

Hiệp định EVFTA với EU liên quan tới sản phẩm đồ gỗ chế biến, về nguyên tắc Việt Nam có thể chủ động đưa ra các yêu cầu đối với EU mở cửa càng rộng càng tốt cho đồ gỗ Việt Nam và VN sẵn sàng mở cửa cho sản phẩm đồ gỗ từ EU. Nguyên tắc này có thể được cụ thể hóa ở các khía cạnh sau của Hiệp định:

- **Từ góc độ mở cửa thị trường:** đối với ngành gỗ nói riêng và cả nền sản xuất hàng hóa nói chung, EU là đối tác có tính bổ sung với Việt Nam (hai bên có hệ thống hàng hóa dịch vụ có tính bổ sung cho nhau, không cạnh tranh trực tiếp). Hiệp định EVFTA về mở cửa thị trường sẽ mở rộng với các cam kết cho phép Việt Nam tiếp cận tối đa thị trường EU và ngược lại với lộ trình ngắn nhất.

## 1. Yêu cầu của doanh nghiệp gỗ Việt Nam đối với Hiệp định EV FTA

- **Từ góc độ kỹ thuật:** EU là thị trường khó tính, với đòi hỏi cao về chất lượng đồ gỗ và các yêu cầu không thể thỏa hiệp về nguồn gốc hợp pháp của nguyên liệu gỗ cũng như yêu cầu kỹ thuật chặt chẽ đối với sản phẩm nhập khẩu. Hiệp định EVFTA về sản phẩm gỗ không chỉ tập trung vào vấn đề thuế quan mà còn cần chú ý tới việc đảm bảo các biện pháp, yêu cầu kỹ thuật hợp lý, có thể chấp nhận được, tạo điều kiện cho sản phẩm gỗ của Việt Nam tiếp cận thị trường này.



## 1. Yêu cầu của doanh nghiệp gỗ Việt Nam đối với Hiệp định EV FTA

- **Từ góc độ quy trình sản xuất**, EU là thị trường cung cấp máy móc, thiết bị, công nghệ có chất lượng cao trên thế giới. Đối với ngành đồ gỗ Việt Nam, lượng máy móc, trang thiết bị, công nghệ, phương tiện sử dụng cho sản xuất hiện được nhập khẩu chủ yếu từ các nước châu Á (Trung Quốc, Hàn Quốc), Đông Nam Á do các nguồn này cạnh tranh tốt hơn về giá. Trong định hướng phát triển của ngành đồ gỗ như đã phân tích, cải thiện công nghệ, thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất là một trong các giải pháp được đề ra. Vì vậy, Hiệp định EVFTA liên quan tới ngành đồ gỗ các điều kiện thuận lợi cho việc nhập khẩu các sản phẩm loại này.



## 1. Yêu cầu của doanh nghiệp gỗ Việt Nam đối với Hiệp định EVFTA

- **Từ góc độ đầu tư**, EU hiện không phải nhà đầu tư nước ngoài đáng kể trong ngành chế biến đồ gỗ (theo số liệu đến năm 2013 thì trong số 594 doanh nghiệp FDI trong ngành này thì phần lớn có nguồn gốc từ Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc). Tuy nhiên, trong đầu tư quốc tế nói chung, EU là nguồn cung cấp vốn đầu tư tương đối lớn trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Vì vậy, ngành đồ gỗ có thể hy vọng vào việc thu hút đầu tư từ EU vào sản xuất chế biến đồ gỗ thông qua các điều kiện thuận lợi hơn trong quản lý đầu tư nước ngoài theo các cam kết thích hợp trong EVFTA.



## 1. Yêu cầu của doanh nghiệp gỗ Việt Nam đối với Hiệp định EV FTA

- **Từ góc độ mua sắm công**, với bộ máy quản lý đồ sộ, ở cả 02 cấp (cấp liên minh và cấp các nước thành viên), quy mô của thị trường mua sắm công của EU là đặc biệt lớn. Theo một số tính toán thì chỉ riêng mua sắm đồ gỗ của các Chính phủ cấp trung ương ở các nước thành viên EU đã chiếm tới 15-25% giá trị các hợp đồng mua bán đồ gỗ của các nước EU. Nếu cộng cả mua sắm của chính quyền địa phương và ở cấp liên minh, thị phần “mua sắm công” trong tổng giá trị thương mại đồ gỗ ở EU sẽ là rất đáng kể. Thực tế, EU đã mở cửa khá rộng thị trường mua sắm công của mình, đồng thời EU cũng đã là thành viên của Hiệp định về Mua sắm chính phủ của WTO và Việt Nam đang trong quá trình chuẩn bị tham gia. Đây cũng là một thuận lợi cho ngành gỗ Việt Nam.

## 2. Về tiếp cận thị trường

- Mở cửa thị trường (xây dựng Biểu cam kết thuế quan) trong EVFTA luôn là mối quan tâm hàng đầu của ngành công nghiệp gỗ.
- Mức độ mở cửa thị trường của đối tác của các nước EU có ảnh hưởng trực tiếp tới giá và năng lực cạnh tranh của sản phẩm gỗ của Việt Nam nhập khẩu vào các thị trường này. Vì vậy, việc sẽ loại bỏ các dòng thuế nhập khẩu vào thị trường EU ngay hoặc với lộ trình ngắn nhất, sẽ tạo thuận lợi cho doanh nghiệp gỗ Việt Nam.
- Mức độ mở cửa thị trường của Việt Nam cho các nước EU cũng sẽ ảnh hưởng tới triển vọng cạnh tranh tại thị trường nội địa Việt Nam. Vì vậy, tốt nhất là không loại bỏ thuế quan hoặc nếu phải loại bỏ thì lộ trình dài nhất có thể.

## 2. Về tiếp cận thị trường thị trường EU

- Loại bỏ thuế quan ngay đối với các sản phẩm đồ gỗ mà Việt Nam có tiềm năng (đồ gỗ nội thất, ngoại thất, sản phẩm mây tre);
- Có thể chấp nhận loại bỏ thuế có lộ trình đối với những sản phẩm đồ gỗ không tập trung/khuyến khích xuất khẩu (dăm gỗ, gỗ sơ chế dưới các hình thức khác..);
- Không cần tập trung vào các dòng thuế đã có mức MFN sát về 0% hoặc không thuộc thế mạnh của Việt Nam.



## 2. Về tiếp cận thị trường

- Loại bỏ thuế quan ngay đối với các sản phẩm gỗ và nguyên liệu ngành gỗ;
- Loại bỏ thuế quan ngay đối với các sản phẩm thiết bị, máy móc, phương tiện nói chung, kể cả các sản phẩm được xếp vào diện “nhạy cảm” và được bảo hộ bằng thuế quan nhiều năm qua nhưng thực tế đã chứng minh là không hiệu quả (ví dụ các phương tiện vận tải).



### **3. Liên quan tới quy tắc xuất xứ**

Đối với riêng ngành gỗ Việt Nam, với 80% nguyên liệu sản xuất phục vụ xuất khẩu là được nhập khẩu từ các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ, quy tắc xuất xứ là vấn đề cần rất quan tâm của các doanh nghiệp gỗ Việt Nam:

#### **- Đối với nguyên liệu cần xuất xứ:**

Theo số liệu nhập khẩu gỗ 2013 thì gỗ nhập khẩu từ các nước ASEAN vào Việt Nam chiếm tới 61% tổng kim ngạch gỗ nhập khẩu. Vì vậy, về nguyên tắc, nếu được thừa nhận xuất xứ cộng gộp ASEAN, gỗ Việt Nam có thêm cơ hội để hưởng ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu vào EU theo EVFTA.

### 3. Liên quan tới quy tắc xuất xứ - *Đối với nguyên liệu không xuất xứ:*

Hiện cũng như nhiều mặt hàng khác, sản phẩm đồ gỗ Việt Nam (mã HS 9403) đang được hưởng GSP từ EU với nguyên tắc áp dụng với nguyên liệu phi xuất xứ là chuyển đổi mục HS (heading 4 số) hoặc trị giá nguyên liệu không vượt quá 70% giá xuất xưởng. Quy tắc này đã được áp dụng tương đối ổn định đối với Việt Nam và vì vậy sẽ thuận lợi cho doanh nghiệp Việt Nam nếu tiếp tục áp dụng quy định này.



## 4. Về các vấn đề liên quan tới TBT, SPS

- EU là thị trường đặt ra các hàng rào kỹ thuật (biện pháp TBT) cao đối với đồ gỗ nhập khẩu, dưới dạng các yêu cầu về nguồn gốc và tính bền vững của gỗ cũng như các kiểm soát khác về quy trình thương mại đồ gỗ. Hiện tại, các biện pháp TBT này tập trung chủ yếu trong Chương trình FLEGT và các Quy định (Regulations) liên quan của EU.
- Từ tháng 10/2010 đến nay, Việt Nam và EU đã đàm phán về Hiệp định đối tác tự nguyện VPA/FLEGT mà bản chất là đảm bảo sử dụng gỗ 100% là hợp pháp.





## 4. Về các vấn đề liên quan tới TBT, SPS

Như vậy, khả năng lớn là Chương TBT trong EVFTA chỉ bao gồm các cam kết nhấn mạnh việc tuân thủ Hiệp định TBT của WTO và các cam kết mới liên quan tới thủ tục là chủ yếu, ví dụ:

- Tạo cơ chế hợp tác trong giải quyết các vấn đề về TBT
- Cơ chế giải quyết rút gọn đối với các khiếu nại về TBT

**=> Trong bối cảnh này, một đề xuất phương án đàm phán đòi hỏi EU giảm bớt hoặc hạn chế việc ban hành mới các biện pháp TBT có thể cản trở hoặc gây khó khăn cho đồ gỗ Việt Nam xuất khẩu vào EU là hầu như không khả thi dù rằng đây là điều mà ngành đồ gỗ Việt Nam mong chờ nhất**

## 4. Về các vấn đề liên quan tới TBT, SPS

Ngành đồ gỗ Việt Nam phải tạm hài lòng với việc đề xuất phương án:

- Các thủ tục, cơ chế liên quan tới việc thực thi các biện pháp TBT tại EU được xây dựng một cách minh bạch và khả thi;
- Ngoài ra, cần chú ý rằng các đàm phán VPA/FLEGT giữa Việt Nam và EU đang được tiến hành song song với đàm phán FTA, do vậy các nhà đàm phán có thể cân nhắc để kết hợp các phương án đàm phán liên quan một cách linh hoạt. Đặc biệt, những vấn đề khó có thể giải quyết trong EVFTA liên quan tới TBT đối với đồ gỗ có thể được đưa vào đàm phán VPA (ví dụ **quy trình cấp phép, các điều kiện xác nhận/chứng nhận...**). Ngược lại, những cam kết, nhân nhượng trong EVFTA của Việt Nam có thể được sử dụng để đạt được những đánh đổi của EU trong khuôn khổ VPA.

## 5. Về liên quan tới các quy tắc cạnh tranh

Đây là một thách thức lớn đối với doanh nghiệp gỗ Việt Nam.

Vì vậy, để tạo điều kiện cho ngành gỗ có thể phát triển ổn định và bền vững, đàm phán về các quy tắc cạnh tranh cần thiết phải có những điều khoản ngoại lệ liên quan tới SMEs cũng như các nhóm chủ thể quy mô nhỏ khác như hộ kinh doanh, cá nhân mua bán sản xuất nhỏ, làng nghề, các cộng đồng dân cư nông thôn, miền núi...



## 6. Về liên quan tới môi trường

Các quy định về môi trường đối với ngành gỗ chủ yếu nhằm đảm bảo nguồn gốc hợp pháp và bền vững của gỗ. Đối với ngành đồ gỗ Việt Nam, nếu các cam kết về môi trường dừng lại ở các nội dung này thì về cơ bản không làm thay đổi các quyền và lợi ích của ngành so với hiện trạng (đặc biệt là Chương trình FLEGT của EU mà Việt Nam đang phải tuân thủ).



## 7. Về các biện pháp khác liên quan tới sản phẩm gỗ

\* Liên quan tới định hướng về hạn chế xuất khẩu gỗ nguyên liệu và các dạng sản phẩm sơ chế từ gỗ nguyên liệu nhằm giảm bớt sức nóng trong cạnh tranh nguyên liệu nội bộ ngành gỗ Việt Nam.

Tùy thời gian cụ thể, tùy loại nguyên liệu cụ thể để áp dụng một số biện pháp như:

- Biện pháp hạn ngạch thuế quan hoặc cấm xuất khẩu đối với một số loại gỗ nguyên liệu;
- Quyền áp dụng các biện pháp cấm xuất khẩu tạm thời trong các điều kiện cụ thể đối với những loại gỗ nguyên liệu nhất định.



## 7. Về các biện pháp khác liên quan tới sản phẩm gỗ

**\* Liên quan tới định hướng về tăng cường năng lực cạnh tranh cho ngành gỗ thông qua các chính sách đồng bộ liên hoàn.** Việt Nam có thể phải tính tới việc bảo lưu quyền ban hành một số chính sách cần thiết đối với ngành gỗ trong khuôn khổ EVFTA như:

- Các biện pháp hỗ trợ về cơ sở hạ tầng, nghiên cứu và phát triển (R&D) cho ngành gỗ, các khu vực tập trung các cơ sở chế biến gỗ
- Các biện pháp quảng bá, xúc tiến thương mại chung cho ngành gỗ tại thị trường EU
- Các biện pháp hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho ngành gỗ (bao gồm lao động thông thường và quản lý).

**XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN**



**Liên hệ:**

**Ban quản lý Dự án EU-MUTRAP**

**Phòng 1203, Tầng 12, Khu Văn phòng, Tòa tháp Hà Nội,  
49 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội**

**Tel: (84 - 4) 3937 8472**

**Fax: (84 - 4) 3937 8476**

**Email: [mutrap@mutrap.org.vn](mailto:mutrap@mutrap.org.vn)**

**Website: [www.mutrap.org.vn](http://www.mutrap.org.vn)**

**(Tài liệu hội thảo được đăng trên trang Web này)**